（令和6年2月作成） <Lập vào tháng 2/2024>

各務原市
Thành phố Kakamigahara

全域版
Phiên bản toàn khu vực

洪水（川から まちに 水が 来ること）ハザードマップ
Bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt

ベトナム語版
Tiếng Việt

一番 強く降る 大雨
Mưa có quy mô lớn nhất được giả định

あふれた 水の深さの 目安
Mức ngập lụt sâu ước tính

- 20,0 m -
- 10,0 m - 20,0 m
- 5,0 m - 10,0 m
- 3,0 m - 5,0 m
- 0,5 m - 3,0 m
- 0,0 m - 0,5 m

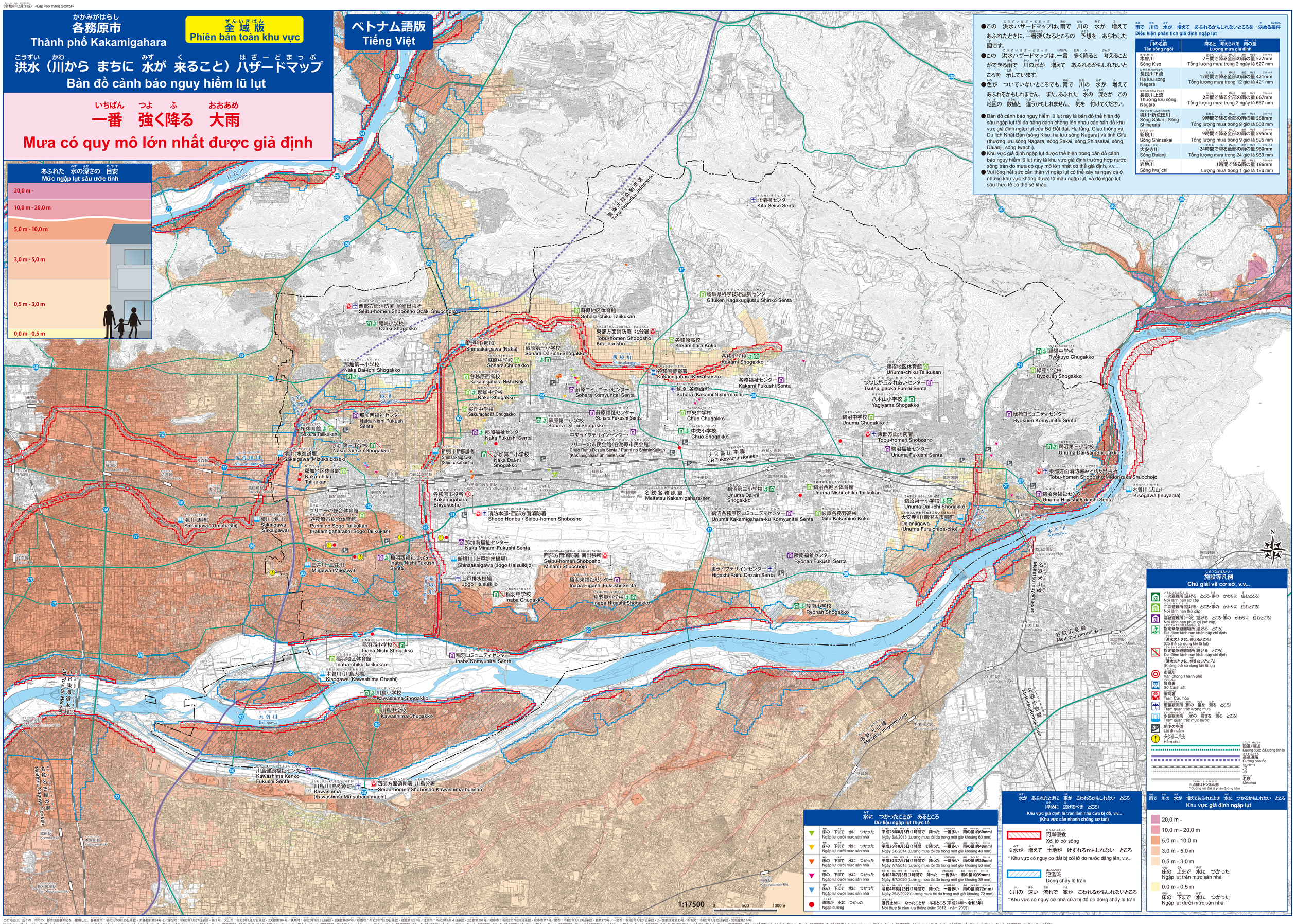

●この 洪水ハザードマップは、雨で 川の 水が 増えて あふれたときに、一番深くなるところの 予想を あらわした 図です。

●この 洪水ハザードマップは、一番 多く降ると 考えることができる雨で 川の水が 増えて あふれるかもしれないところを 示しています。

●色が ついていないところでも、雨で 川の 水が 増えて あふれるかもしれません。また、あふれた 水の 深さが この 地図の 数値と 違うかもしれません。 気を 付けてください。

● Bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt này là bản đồ thể hiện độ sâu ngập lụt tối đa bằng cách chồng lên nhau các bản đồ khu vực giả định ngập lụt của Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (sông Kiso, hạ lưu sông Nagara) và tỉnh Gifu (thượng lưu sông Nagara, sông Sakai, sông Shinsakai, sông Daianji, sông Iwachi).

● Khu vực giả định ngập lụt được thể hiện trong bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt này là khu vực giả định trường hợp nước sông tràn do mưa có quy mô lớn nhất có thể giả định, v.v...

● Vui lòng hết sức cẩn thận vì ngập lụt có thể xảy ra ngay cả ở những khu vực không được tô màu ngập lụt, và độ ngập lụt sâu thực tế có thể sẽ khác.

雨で 川の 水が 増えて あふれるかもしれないところを 決める条件
Điều kiện phân tích giả định ngập lụt

川の名前 Tên sông ngòi	降ると 考えられる 雨の量 Lượng mưa giả định
木曽川 Sông Kiso	2日間で降る全部の雨の量 527mm Tổng lượng mưa trong 2 ngày là 527 mm
長良川下流 Hạ lưu sông Nagara	12時間で降る全部の雨の量 421mm Tổng lượng mưa trong 12 giờ là 421 mm
長良川上流 Thượng lưu sông Nagara	2日間で降る全部の雨の量 667mm Tổng lượng mưa trong 2 ngày là 667 mm
境川・新荒田川 Sông Sakai - Sông Shinarata	9時間で降る全部の雨の量 568mm Tổng lượng mưa trong 9 giờ là 568 mm
新境川 Sông Shinsakai	9時間で降る全部の雨の量 595mm Tổng lượng mưa trong 9 giờ là 595 mm
大安寺川 Sông Daianji	24時間で降る全部の雨の量 960mm Tổng lượng mưa trong 24 giờ là 960 mm
岩地川 Sông Iwajichi	1時間で降る雨の量 186mm Lượng mưa trong 1 giờ là 186 mm

施設等凡例
Chú giải về cơ sở, v.v...

- 一次避難所（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ）Nơi lánh nạn sơ cấp
- 二次避難所（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ）Nơi lánh nạn thứ cấp
- 福祉避難所（一次）（逃げる ところ・家の かわりに 住むところ）Nơi lánh nạn phúc lợi (sơ cấp)
- 指定緊急避難場所（逃げる ところ）Địa điểm lánh nạn khẩn cấp chỉ định
- （洪水のときに、使えるところ）(Có thể sử dụng khi lũ lụt)
- 指定緊急避難場所（逃げる ところ）Địa điểm lánh nạn khẩn cấp chỉ định
- （洪水のときに、使えないところ）(Không thể sử dụng khi lũ lụt)
- 市役所 Văn phòng Thành phố
- 警察署 Sở Cảnh sát
- 消防署 Trạm Cứu hỏa
- 雨量観測所（雨の 量を 測る ところ）Trạm quan trắc lượng mưa
- 水位観測所（水の 高さを 測る ところ）Trạm quan trắc mực nước
- 地下の歩道 Lối đi ngầm
- アンダーパス Hầm chui

- 国道・県道 Đường quốc lộ/Đường tỉnh lộ
- 高速道路 Đường cao tốc
- JR JR
- 名鉄 Meitetsu
※点線はトンネル部
* Đường nét đứt là phần đường hầm

水が あふれたときに 家が こわれるかもしれない ところ（早めに 逃げるべき ところ）
Khu vực giả định lũ tràn làm nhà cửa bị đổ, v.v... (Khu vực cần nhanh chóng sơ tán)

- 河岸侵食 Xói lở bờ sông
※水が 増えて 土地が けずれるかもしれない ところ
* Khu vực có nguy cơ đất bị xói lở do nước dâng lên, v.v...
- 氾濫流 Dòng chảy lũ tràn
※川の 速い 流れで 家が こわれるかもしれないところ
* Khu vực có nguy cơ nhà cửa bị đổ do dòng chảy lũ tràn

水に つかったことが あるところ
Dữ liệu ngập lụt thực tế

▼	床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà	平成25年8月5日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約60mm） Ngày 5/8/2013 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 60 mm)
▼	床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà	平成26年8月5日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約48mm） Ngày 5/8/2014 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 48 mm)
▼	床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà	平成30年7月7日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約50mm） Ngày 7/7/2018 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 50 mm)
▼	床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà	令和2年7月8日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約39mm） Ngày 8/7/2020 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 39 mm)
▼	床の 下まで 水に つかった Ngập lụt dưới mức sàn nhà	令和4年8月25日（1時間で 降った 一番多い 雨の量 約72mm） Ngày 25/8/2022 (Lượng mưa tối đa trong một giờ khoảng 72 mm)
●	道路が 水に つかった Ngập đường	通行止めに なったことが あるところ（平成24年～令和5年） Nơi thực tế cấm lưu thông (năm 2012 ~ năm 2023)

Khu vực giả định ngập lụt

- 20,0 m -
- 10,0 m - 20,0 m
- 5,0 m - 10,0 m
- 3,0 m - 5,0 m
- 0,5 m - 3,0 m
- 0,0 m - 0.5 m

床の 上まで 水に つかった
Ngập lụt trên mức sàn nhà

床の 下まで 水に つかった
Ngập lụt dưới mức sàn nhà

この地図は、近くの 市町の 都市計画基本図を 使用した。各務原市：令和元年9月25日承認・31各都計第84号-2／笠松町：令和2年7月27日承認・2笠都第104号／羽島市：令和2年3月3日承認・28都第607号／岐南町：令和2年7月29日承認・岐南市第7号／関市：令和2年7月29日承認・都第170号／一宮市：令和2年7月29日承認・2一宮都計発第33号／瑞穂市：令和2年7月30日承認・瑞穂市第514号
Khi lập bản đồ này, chúng tôi đã sử dụng bản đồ cơ sở quy hoạch thành phố của các thành phố và thị trấn lân cận. Thành phố Kakamigahara: Phê duyệt ngày 25/9/2019 - 31 Ka To Kei Số 84-2/Thị trấn Kasamatsu: Phê duyệt ngày 27/7/2020 - Số 1/Thành phố Inuyama: Phê duyệt ngày 27/7/2020 - 2 Inu To Số 104/Thị trấn Fuso: Phê duyệt ngày 3/8/2020 - 2 Fu To Số 607/Thị trấn Ginan: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - Ginan Số 1291/Thành phố Konan: Phê duyệt ngày 4/8/2020 - 2 Ko To Số 201/Thành phố Gifu: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - Gifu-shi Số 7/Thành phố Seki: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - To Số 170/Thành phố Ichinomiya: Phê duyệt ngày 29/7/2020 - 2 Ichinomiya To Kei Hatsu Số 33/Thị trấn Sakahogi: Phê duyệt ngày 30/7/2020 - Ka Saka San Số 514